

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/HS-ST
Ngày: 29-5-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Huy Tường – Cán bộ hưu

Bà Dương Thị Hoa – Giáo viên nghỉ hưu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký TAND thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Đại diện VKSND thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: ông Ngô Văn Đ – Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2025/TLST - HS ngày 25/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HS ngày 25/3/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/HSST-QĐ ngày 25/4/2025, thông báo thay đổi ngày mở phiên tòa số 08 ngày 06/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/HSST-QĐ ngày 09/5/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn P**, sinh năm 2004; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị H; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án số 03/2025/HS-ST ngày 15/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”

Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam X, Bộ C1 (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 1998; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T1; vợ: Nguyễn Thị T2 (đã ly hôn), con: chưa có;

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HSST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn Đ1 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Tiền sự: Ngày 16/01/2024, Công an thành phố P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính Nguyễn Văn Đ1 về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, xử phạt 4.000.000 đồng.

Nhân thân: Tại bản án số 26/2025/HS-ST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Vũ Xuân T3**, sinh ngày 07/11/2007; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn T4 và bà Trần Thị C; vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: không

Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 10/4/2025 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- **Người đại diện** của bị cáo Vũ Xuân T3 – sinh ngày 07/11/2007: Ông Vũ Văn T4 – sinh năm 1982 (có mặt), bà Trần Thị C – sinh năm 1987 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- **Người bào chữa** cho bị cáo Vũ Xuân T3: Luật sư Nguyễn Thị L – Văn phòng L1 – Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- **Trợ giúp viên** pháp lý cho bị cáo Vũ Xuân T3: bà Nguyễn Thị Như Q – Trợ giúp viên – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (có mặt).

- **Đại diện Nhà trường** (nơi bị cáo Vũ Xuân T3 đang học tập): Đại diện lãnh đạo Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

- **Bị hại:** 1. Anh Chu Văn Đ2 – sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đồng Răng, xã Kim Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

2. Chị Vương Thị Á – sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo ủy quyền: chị Vương Thị V – sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**

1. Anh Lý Văn Q1 – sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Háng Van, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

2. Bà Nguyễn Thị H2 – sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Dục Quang, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Trần Hiền T5 – sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

4. Ông Vũ Văn T4 – sinh năm 1982 (có mặt)

5. Anh Trần Văn T – sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

6. Ông Dương Văn D – sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn P, sinh năm 2004, Vũ Xuân T3, sinh ngày 07/11/2007 cùng trú tại thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1998, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên là bạn của nhau. Khoảng 14 giờ ngày 14/8/2024, trong lúc Vũ Xuân T3 và Nguyễn Văn Đ1 đang ngồi chơi trong phòng ở trọ của Trần Văn P tại phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên thì P rủ cả hai cùng nhau đi đến thị xã V, tỉnh Bắc Giang thuê nhà trọ rồi tìm ai để tài sản sơ hở để trộm cắp thì Đ1 và T3 đồng ý. P điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave (các bị cáo không nhớ biển số) chở T3, Đ1 ngồi sau đi đến thị xã V, tỉnh Bắc Giang để trộm cắp tài sản. Khoảng 19 giờ cùng ngày 14/8/2024, P, T3 và Đ1 đi đến nhà trọ “Quý Hoan” ở tổ dân phố D, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang thuê phòng ở trọ. Sau khi thuê được phòng trọ, P, T3 và Đ1 bảo nhau đợi đến đêm khi những người ở trọ đi ngủ, không có ai trông coi sẽ trộm cắp xe mô tô của những người ở trọ. Khoảng 02 giờ ngày 15/8/2024, P, Đ1, T3 đi xuống khu vực nhà để xe của nhà trọ “Quý Hoan”, P lấy 01 chiếc gậy bằng tre ở sân nhà trọ cầm đẩy chốt cài cánh cửa nhà xe ra. Mở được cánh cửa nhà xe, P bảo T3 dắt xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave của P đi ra ngoài cổng nhà trọ để cảnh giới, còn P cùng Đ1 đi vào trong nhà xe trộm cắp xe mô tô của người ở trọ. P cùng Đăng kiểm T6 phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 12V1-197.22 (viết tắt là xe mô tô biển số 12V1-197.22) là tài sản của chị Vương Thị Á, sinh năm 1989, trú tại thôn H, xã Hội Hoan, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, biển số 98B3-524.21 (viết tắt là xe mô tô biển số 98B3-524.21) là tài sản của anh Chu Văn Đ2, sinh năm 1994, ở thôn Đ, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang cùng là người ở trọ không khóa cổ, không khóa càng. P dắt trộm xe mô tô biển số 12V1-197.22, Đăng dắt trộm xe mô tô biển số 98B3-524.21 ra cổng nhà trọ gặp T3. Tại đây, P đưa điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung của P cho T3 mở bật đèn trên điện thoại soi cho P dùng tô vít lấy từ cốp xe mô tô của P cùng Đăng tháo chiếc mặt nạ xe mô tô biển số 98B3-524.21 vừa trộm cắp. Tiếp đó P đấu dây điện, đề nổ máy được xe mô tô biển số

98B3-524.21. Sau đó, T3 điều khiển xe mô tô của P đi trước, P điều khiển xe mô tô Honda Vision trộm cắp của chị Á, còn Đ1 điều khiển xe mô tô Honda Wave trộm cắp của anh Đ2 đi phía sau, dùng chân đạp vào gác để chân phía sau xe mô tô trộm cắp do P điều khiển đi về thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng 04 giờ ngày 15/8/2024 cả ba đi về đến thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, tại đây Đ1 điều khiển chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave trộm cắp của anh Đ2 đi về nhà Đ1, còn T3 điều khiển xe mô tô của P dùng chân đạp vào gác để chân phía sau xe mô tô Honda Vision trộm cắp của chị Á do P điều khiển đi về phòng trọ của P để ngủ. Khoảng 19 giờ cùng ngày, P, Đ1 và T3 rủ nhau đi uống nước tại khu vực tượng đài thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây, P thống nhất với Đ1, đem xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave trộm cắp của anh Đ2 đi cầm cố lấy tiền, còn xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision trộm cắp của chị Á thì P giữ làm phương tiện đi lại. Khoảng hai ngày sau, Đ1 và P điều khiển xe mô tô Honda Wave biển số 98B3-524.21 trộm cắp của anh Đ2 đến quán Internet “King Gaming” ở tổ dân phố số A, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, do anh Trần Hiền T5, sinh năm 1998 ở tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên làm chủ để cầm xe. Tại đây, P thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 98B3-524.21 trộm cắp của anh Đ2 cho anh T5 lấy 4.500.000 đồng, nhưng không nói cho anh T5 biết là xe trộm cắp. Số tiền thế chấp xe mô tô trộm cắp, P không chia cho T5, chỉ chia cho Đ1 2.200.000 đồng còn lại P giữ 2.300.000 đồng. Khoảng hai tuần sau, P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không nhớ biển số của P dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản trước đó đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy “Diễm Hương” do anh Dương Văn D, sinh năm 1982, ở xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên làm chủ để bán xe mô tô trên cho anh D lấy 8.000.000 đồng. Ngày 25/8/2024, P tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở huyện H, tỉnh Thanh Hóa và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa bắt giữ và khám xét nơi ở trọ của P nêu trên đã thu giữ được xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 12V1-197.22 trộm cắp của chị Á. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện H đã bàn giao lại xe mô tô biển số 12V1-197.22 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V.

Ngày 03/10/2024, Cơ quan điều tra yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V định giá xác định trị giá hai xe mô tô của chị Á, anh Đ2 bị trộm cắp nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 162/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V kết luận hai xe mô tô của chị Á và anh Đ2 bị trộm cắp ngày 15/8/2024 có tổng trị giá 38.000.000 đồng, trong đó: xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 12V1-197.22 trị giá 28.000.000 đồng; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 98B3-524.21 trị giá 10.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra tiến hành cho Trần Văn P, Nguyễn Văn Đ1 nhận dạng người qua bản ảnh, trong đó có ảnh của ba bị cáo để xác định người tham gia trộm cắp tài

sản nêu trên. Kết quả các bị cáo đều nhận dạng những người đã thực hiện hành trộm cắp tài sản của anh Đ2, chị Á là Trần Văn P, Nguyễn Văn Đ1 và Vũ Xuân T3.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được tại camera an ninh lắp đặt tại nhà trọ “Quý Hoan” toàn bộ hình ảnh video ghi lại việc các bị cáo trộm cắp xe mô tô vào ngày 15/8/2024 như nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 25/02/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đã truy tố Trần Văn Phong, Nguyễn Văn Đăng và Vũ Xuân Thành ra trước Toà án nhân dân thị xã Việt Yên để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là không oan, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo Đ1 không đồng ý bồi thường số tiền 4.000.000 đồng theo yêu cầu của anh Đ2, chỉ đồng ý bồi thường số tiền theo giá Hội đồng định giá đã xác định đối với chiếc xe trộm cắp là 10.000.000 đồng, trừ đi số tiền bị cáo P và T3 đã bồi thường 8.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng bị cáo bồi thường tiếp. Bị cáo P và T3 tự nguyện bồi thường mỗi người 4.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo Đ1 phải trả lại số tiền đã bỏ ra bồi thường, yêu cầu bị cáo Đ1 bồi thường số tiền còn lại là 2.000.000 đồng cho bị hại là anh Đ2.

Bị hại anh Chu Văn Đ2 xác định ngày 14/8/2024 anh bị các bị cáo trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98B3-524.21. Đến nay anh đã được gia đình bị cáo P và T3 bồi thường 8.000.000 đồng, mỗi gia đình bồi thường 4.000.000 đồng, anh yêu cầu bị cáo Đ1 phải bồi thường cho anh 4.000.000 đồng, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P và T3.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T và ông Vũ Văn T4 xác định bị cáo P và T3 có tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại, mỗi gia đình đã bồi thường cho anh Đ2 số tiền 4.000.000 đồng, số tiền này là của các ông, các ông tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo P và T3 phải trả lại cho các ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Tôi ngày 14/8/2024 các bị cáo đến nhà bà thuê phòng trọ, đến đêm ngày 15/8/2024 các bị cáo trộm cắp 02 chiếc xe máy của người trọ tại nhà để xe nhà trọ của bà là anh Đ2 và chị Á. Ngoài trộm cắp xe máy của anh Đ2 và chị Á, các bị cáo không trộm cắp tài sản nào khác trong khu nhà trọ của bà.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Các bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn P từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, đề nghị Hội đồng xét xử ra quyết định bắt, tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 từ 01 năm 04 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 60 (sáu mươi) tháng tù tại bản án số 26/2025/HSST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là từ 06 năm 04 tháng tù đến 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 23/10/2024, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2023 đến ngày 17/01/2024 tại bản án số 93/2024/HSST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự; Điều 118 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Xuân T3 từ 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. **Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án.**

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Thành Hóa giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu sung công quỹ nhà nước đối với bị cáo Trần Văn P số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng chẵn)

5. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ1 phải bồi thường anh Chu Văn Đ2 số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn).

6. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.0000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Đ1 phải chịu 300.000 đồng dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, anh Đ2, bà H2, ông T4, ông T không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên

Luật sư Nguyễn Thị L và Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Như Q: Đề nghị xem xét áp dụng cho bị cáo T3 mức hình phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Kiểm sát viên đối đáp ý kiến của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo T3 và giữ nguyên quan điểm luận tội.

Lời nói sau cùng: các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã V (nay là tỉnh Bắc Giang), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Trần Văn P, Nguyễn Văn Đ1 và Vũ Xuân T3, sinh ngày 07/11/2007 là bạn của nhau. Ngày 14/8/2024, P rủ và điều khiển xe mô tô chở Đ1, T3 đến thị xã V, tỉnh Bắc Giang trộm cắp xe mô tô. Khoảng 02 giờ ngày 15/8/2024, tại nhà trọ “Quý Hoan” ở tổ dân phố D, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, bị cáo P, Đ1 và T3 đã lén lút cùng nhau thực hiện trộm cắp được 02 xe mô tô của người ở trọ gồm: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave biển số 98B3-524.21, trị giá 10.000.000 đồng là tài sản của anh Chu Văn Đ2 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 12V1-197.22, trị giá 28.000.000 đồng là tài sản của chị Vương Thị Ánh . Khi trộm cắp xe mô tô, T3 đứng canh giới còn P, Đ1 trực tiếp lấy trộm xe mô tô. Tổng trị giá tài sản hai xe mô tô trộm cắp trong vụ án là 38.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 xe mô tô bị trộm cắp để trả lại bị hại.

[4] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 25/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét về nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: Bị cáo Vũ Xuân T3 có nhân thân tốt, bị cáo Nguyễn Văn Đ1 đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về hình sự và bị xử lý hành chính, bị cáo Trần Văn P đã bị Tòa án đưa ra xét xử về hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Trần Văn P xúi giục bị cáo Vũ Xuân T3 là người dưới 18 tuổi tham gia trộm cắp cùng nên phải chịu tình tiết “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 tại thời điểm phạm tội đang có 01 tiền án nay lại phạm tội nên phải chịu tình tiết “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Xuân T3 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn P, Vũ Xuân T3 đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại là anh Chu Văn Đ2, được anh Đ2 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đều được hưởng tình tiết quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Vũ Xuân T3 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ1 có thời gian 02 năm thực hiện nghĩa vụ quân sự nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo.

[7] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm có tính giản đơn, bị cáo Trần Văn P là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp cũng như tiêu thụ tài sản trộm cắp nên có vai trò thứ nhất. Vai trò thứ hai là bị cáo Đ1, bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với bị cáo P giữ vai trò cuối cùng là bị cáo T3, bị cáo mặc dù không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo đồng ý việc trộm cắp tài sản về mặt ý chí với bị cáo P và Đ1, và bị cáo có hành vi cảnh giới cho bị cáo P và Đ1 lấy trộm tài sản và dùng đèn điện thoại soi cho bị cáo P lấy tô vít từ cốp xe ra để tháo mặt xe trộm cắp và đấu điện cho xe nổ.

[8] Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Trần Văn P và Nguyễn Văn Đ1 đã bị Tòa án đưa ra xét xử về hình sự nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng và rèn luyện mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự, áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Vũ Xuân T3 bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo P và Đ1 là phù hợp với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Mức hình phạt đề nghị với bị cáo T3 là còn thấp so với hành vi phạm tội của bị cáo, do vậy cần áp dụng một mức hình phạt cao hơn mức hình phạt do đại diện Viện Kiểm sát, Luật sư và Trợ giúp viên pháp lý đề nghị mới đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Chị Á đã được trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 12V1-197.22. Hiện tại chị Á không có yêu cầu bồi thường dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Bị cáo Trần Văn P, Vũ Xuân T3 đã tác động bố mẹ của mỗi bị cáo bồi thường cho anh Chu Văn Đ2 số tiền 8.000.000 đồng (mỗi gia đình bồi thường 4.000.000 đồng); hiện tại anh Đ2 chỉ yêu cầu bị cáo Đ1 bồi thường thêm số tiền 4.000.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường của anh Đ2 là có căn cứ, tuy nhiên số tiền anh Đ2 yêu cầu bị cáo Đ1 bồi thường cao hơn so với giá trị chiếc xe mà Hội đồng định giá đã định giá và tại phiên tòa bị cáo Đ1 không đồng ý bồi thường số tiền 4.000.000 đồng, chỉ đồng ý bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, giá trị chiếc xe của anh Đ2 là 10.000.000 đồng, bị cáo P và T3 đã bồi thường 8.000.000 đồng. Do vậy chỉ có căn cứ buộc bị cáo Đ1 phải bồi thường cho anh Đ2 số tiền 2.000.000 đồng là đủ giá trị chiếc xe bị trộm cắp của anh Đ2. Đến nay bị cáo P và T3 đã bồi thường xong phần của các bị cáo, bị cáo Đ1 chưa bồi thường, do vậy cần buộc bị cáo Đ1 phải bồi thường anh Đ2 số tiền này.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 12V1-197.22 cho chị Vương Thị Ánh . Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét; Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không rõ biển kiểm soát của bị cáo P, các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo P đã bán chiếc xe trên được 8.000.000 đồng, do vậy cần truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 8.000.000 đồng đối với bị cáo P.

[11] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 98B3-524.21 các bị cáo trộm cắp của anh Chu Văn Đ2. Quá trình điều tra anh Trần Hiền T5 không thừa nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm thủ tục cho bị cáo Đ1, P đối chất với T5 nhưng anh T5 vẫn không thừa nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên nên Cơ quan điều tra không thu giữ được xe mô tô trộm cắp để trả anh Đ2; Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave các bị cáo dùng trộm cắp tài sản, các bị cáo và anh D khai không nhớ biển số và anh D đã bán lại cho người không biết họ

tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, xác minh và thu giữ. Tô vít dùng tháo mặt nạ xe mô tô trộm cắp bị cáo P để trong xe mô tô khi bán cho anh D; điện thoại di động nêu trên bị cáo P khai rơi mất, không biết rơi ở đâu; toàn bộ số tiền thế chấp xe mô tô trộm cắp và bán xe mô tô dùng làm phương tiện trộm cắp, các bị cáo đã chi tiêu hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với anh Trần Hiền T5 và anh Dương Văn D không biết xe mô tô các bị cáo thế chấp và bán là do trộm cắp và dùng làm phương tiện trộm cắp nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[13] Bị cáo Trần Văn P tính đến ngày xét xử vụ án, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của bản án số 03/2025/HS-ST ngày 15/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Do vậy để đảm bảo việc thi hành án đối với bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định bắt, tạm giam đối với bị cáo theo quy định tại Điều 113 Bộ luật tố tụng hình sự.

[14] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn P 01 năm (một năm) 06 tháng (sáu tháng) tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 01 năm (một năm) 06 tháng (sáu tháng) tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 60 tháng (sáu mươi) tháng tù tại bản án số 26/2025/HSST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 06 năm (sáu năm) 06 tháng (sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 23/10/2024, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2023 đến ngày 17/01/2024 tại bản án số 93/2024/HSST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

1. 3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự; Điều 118 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Xuân T3 01 năm (một năm) cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. **Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án.**

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Thành Hóa giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ1 phải bồi thường anh Chu Văn Đ2 số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu sung công quỹ nhà nước của bị cáo Trần Văn P: số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng chẵn*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Đ1 và Vũ Xuân T3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Đ1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho các bị cáo, bị hại, người đại diện, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cơ quan THAHS công an tỉnh Bắc Giang
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

Đỗ Thị Tuyết